

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm
giai đoạn 2021-2025 và phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở
năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi một số nội dung của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/9/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 và Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016;

Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021, 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 792/TTr-SXD ngày 17/5/2023 của Sở Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm giai đoạn 2021-2025 và phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ văn bản số 47/TB-UBND ngày 24/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Thông báo Kết luận phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm giai đoạn 2021-2025 và phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu phát triển nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm được phê duyệt đối với các loại hình phát triển nhà ở; tạo điều kiện để các ngành, các cấp phối hợp triển khai thực hiện tốt việc phát triển nhà ở bền vững trong thời gian tới.

- Xác định rõ mục tiêu, phân định rõ trách nhiệm để phát triển nhà ở xã hội đến năm 2025 để đạt chỉ tiêu theo Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023.

- Xác định quy mô dự án phát triển nhà ở bao gồm số lượng, diện tích sàn xây dựng nhà trong giai đoạn triển khai Kế hoạch để tránh tình trạng dư thừa, phát triển mất cân bằng giữa các loại hình nhà ở.

- Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, phát triển nhà ở khu vực đô thị văn minh, hiện đại; phát triển nhà ở khu vực nông thôn đồng bộ và phù hợp với mục tiêu của chương trình nông thôn mới, từng bước cải thiện chất lượng nhà ở cho người dân; nâng cao công tác chỉnh trang đô thị, xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, đồng bộ với sự phát triển của chung của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Phù hợp với Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 được phê duyệt tại Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

- Phù hợp với Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030” được phê duyệt tại Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

- Phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh;

- Phù hợp với các quy hoạch, Kế hoạch có liên quan được phê duyệt của tỉnh Bắc Ninh, tuân thủ pháp luật về nhà ở;

- Chỉ tiêu phát triển nhà ở trong Kế hoạch phát triển nhà ở phải là một trong những chỉ tiêu cơ bản của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với điều kiện

phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch 2021-2022

1.1. Chỉ tiêu chung về phát triển nhà ở:

- a) Diện tích nhà ở bình quân năm 2022 theo Kế hoạch: Khoảng 37,010m²/người;
- b) Diện tích nhà ở bình quân năm 2022 thực tế đạt được: Khoảng 37,022m²/người.

1.2. Kết quả phát triển nhà ở năm 2021 và 2022:

a) Nhà ở theo chương trình mục tiêu:

- Hỗ trợ về nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng: Không thực hiện được do phải chờ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 102 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP;

- Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo: Năm 2021, 2022 đã hoàn thành việc hỗ trợ cho 257 hộ theo Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh.

b) Nhà ở do người dân tự xây dựng: Phát triển thêm khoảng 1.384.863,3 m² sàn nhà ở - (201,8% Kế hoạch).

c) Nhà ở xã hội:

- Hoàn thiện các dự án đã có: Đạt khoảng 96.551 m² sàn nhà ở (5,08% Kế hoạch)

- Phát triển dự án: Khởi công được 01 dự án (dự án khu nhà ở xã hội dành cho công nhân tại xã Đông Tiến, huyện Yên Phong do Liên danh Văn Phú 1 - HTPP, đã lựa chọn nhà đầu tư từ năm 2018); không phát triển dự án mới.

d) Nhà ở thương mại, công vụ, nhà ở tái định cư, cải tạo chung cư cũ:

- Hoàn thiện các dự án đã có: Hoàn thiện được khoảng 1.565.285 m² sàn nhà ở (11,07% Kế hoạch).

- Phát triển dự án mới: Không phát triển dự án mới.

1.3. Chỉ tiêu cụ thể về kết quả thực hiện Kế hoạch 2021-2022 theo Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

2. Điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm giai đoạn 2021-2025

2.1. Chỉ tiêu phát triển nhà ở: Tổng diện tích sàn nhà ở tăng thêm trong giai đoạn 05 năm (2021-2025) được giữ nguyên chỉ tiêu theo Kế hoạch đã được phê duyệt khoảng 25.341.306 m².

Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 theo Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

2.2. Danh mục dự án phát triển nhà ở:

a) Danh mục dự án nhà ở thương mại, công vụ, tái định cư: Bổ sung 37 dự án với quy mô khoảng 370.551 m² sàn nhà ở (trong đó bổ sung 48 dự án với quy mô khoảng 885.951 m² sàn, đưa ra khỏi Kế hoạch 11 dự án với quy mô khoảng 451.900 m² sàn).

Danh mục dự án cụ thể theo các Phụ lục của Quyết định 548/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 (giai đoạn 2021-2025) và Phụ lục 3 kèm theo Quyết định này.

b) Xác định mục tiêu các dự án nhà ở xã hội đến 2025 để đạt mục tiêu theo Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ: Khoảng 30.671 căn hộ.

2.3. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2023

3.1. Chỉ tiêu chung về diện tích nhà ở:

- Diện tích nhà ở bình quân dự kiến: 38,15m²/người;
- Diện tích nhà ở tối thiểu: 8m²/người.

3.2. Chỉ tiêu cụ thể về phát triển nhà ở

a) Nhà ở theo chương trình mục tiêu:

- Hỗ trợ về nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng: Dự kiến hỗ trợ cho khoảng 593 hộ (sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 102 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP);

- Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo: Dự kiến hỗ trợ cho 85 hộ (sau khi đề án hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).

b) Nhà ở do người dân tự xây dựng: Phát triển thêm khoảng 692.432 m² sàn nhà ở.

c) Nhà ở xã hội: Phát triển thêm khoảng 745.060 m² sàn nhà ở (10.160 căn hộ).

d) Nhà ở thương mại, nhà ở công vụ, nhà ở tái định cư: Phát triển thêm khoảng 8.767.248 m² sàn nhà ở.

Danh mục dự án cụ thể theo các Phụ lục của Quyết định 548/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 (trong đó chuyển toàn bộ danh mục các dự án trong giai đoạn 2021-2022 sang giai đoạn năm 2023) và Phụ lục 3 kèm theo Quyết định này.

đ) Cải tạo chung cư cũ: Chưa thực hiện do không có chung cư thuộc đối tượng cải tạo, xây dựng lại theo Điều 110 Luật Nhà ở.

3.3. Tổng hợp nhu cầu vốn để phát triển nhà ở năm 2023: Theo Phụ lục 04 kèm theo Quyết định này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các sở, ngành

a) Sở Xây dựng:

- Định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá cụ thể về tình hình thực hiện các dự án phát triển nhà ở đang triển khai trên địa bàn; tham mưu trình UBND tỉnh điều tiết, dừng việc phát triển nhà ở tại từng khu vực cụ thể nếu phát hiện tình trạng mất cân đối cung - cầu về nhà ở cục bộ hoặc tổng thể trên địa bàn tỉnh, đảm bảo nguyên tắc các địa phương chỉ đề xuất thực hiện dự án nhà ở thương mại mới khi các dự án cũ đã cơ bản hoàn thành;

- Trên cơ sở danh mục dự án phát triển nhà ở ban hành kèm theo Kế hoạch này, Sở Xây dựng phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện;

- Làm đầu mối theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư và các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch, đặc biệt là các dự án nhà ở xã hội theo đúng tiến độ được UBND tỉnh phê duyệt, đảm bảo việc triển khai thực hiện Kế hoạch đạt mục tiêu đã đề ra theo Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023;

- Tổ chức hướng dẫn, rà soát, triển khai quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của các dự án có nhà ở, đảm bảo phù hợp với đồ án quy hoạch cấp trên; các chỉ tiêu sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch và các quy định của pháp luật có liên quan. Việc triển khai thực hiện dự án phát triển nhà ở phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và quy định của pháp luật;

- Chủ trì việc đánh giá thực hiện Kế hoạch định kỳ hàng năm và xây dựng Kế hoạch thực hiện cho năm tiếp theo; báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh những nội dung, chỉ tiêu để phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương đảm bảo đúng quy định;

- Tiếp nhận các thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp để tích hợp, cập nhật bổ sung các thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản;

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập Kế hoạch hàng năm hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng và hộ nghèo theo chương trình mục tiêu quốc gia được phê duyệt.

b) Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu bố trí Kế hoạch vốn để thực hiện hỗ trợ về nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng và hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Kế hoạch phát triển nhà ở được phê duyệt, đảm bảo quy định pháp luật.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, bổ sung, cập nhật các chỉ tiêu trong Kế hoạch phát triển nhà ở vào Quy hoạch tỉnh theo quy định;

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định;

- Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình một số dự án bất động sản để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng cân đối quỹ đất phát triển nhà ở phù hợp

với Kế hoạch phát triển nhà ở được phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát quỹ đất đã giao cho các chủ đầu tư để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất đối với các dự án chậm triển khai hoặc không thực hiện để giao cho các chủ đầu tư khác thực hiện đáp ứng yêu cầu tiến độ;

- Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình giao dịch đất ở để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

e) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, địa phương liên quan rà soát nhu cầu nhà ở của các hộ chính sách, người có công với cách mạng, hộ nghèo cần hỗ trợ nhà ở trong quá trình triển khai thực hiện.

g) Ban Quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh: Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan đánh giá, xác định nhu cầu về nhà ở của công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp, đề xuất các dự án phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân trong các khu công nghiệp phù hợp với Kế hoạch phát triển khu công nghiệp trong từng giai đoạn.

h) Các sở, ngành có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan cho các đơn vị được giao chủ trì trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức rà soát, tổng hợp danh mục, đánh giá cụ thể về tình hình thực hiện các dự án phát triển nhà ở đang triển khai trên địa bàn; chỉ đề xuất thực hiện dự án nhà ở thương mại mới khi các dự án cũ đã cơ bản hoàn thành; quỹ nhà ở phát triển mới phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương và Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc rà soát, đôn đốc, tổ chức triển khai thực hiện các dự án phát triển nhà ở theo các chỉ tiêu đã đăng ký theo Kế hoạch phát triển nhà ở được phê duyệt.

b) Phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc giải phóng mặt bằng, trình UBND tỉnh bàn giao đất cho các nhà đầu tư các dự án nhà ở xã hội theo đúng tiến độ được UBND tỉnh phê duyệt, đảm bảo việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở đạt mục tiêu đã đề ra theo Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023.

c) Tổ chức rà soát, triển khai quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của các dự án có nhà ở, đảm bảo phù hợp với đồ án quy hoạch cấp trên; các chỉ tiêu sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch và các quy định của pháp luật có liên quan. Việc triển khai thực hiện dự án phát triển nhà ở phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, trật tự xây dựng trên địa bàn; kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm của các tổ chức, cá nhân theo quy định hoặc báo cáo UBND tỉnh xử lý nếu vượt quá thẩm quyền; thông báo trên các phương tiện truyền thông về những vi phạm trên địa bàn để nhân dân nắm bắt; khuyến cáo người dân không mua nhà ở, đất ở khi dự án chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

đ) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nhà ở, bất động sản, đất đai; yêu cầu chủ đầu tư, sàn giao dịch, tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ môi giới cung cấp các thông tin, hồ sơ pháp lý liên quan đến bất động sản, chỉ thực hiện giao dịch khi bất động sản đủ điều kiện đưa vào kinh doanh theo quy định.

e) Phối hợp với các cơ quan quản lý có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng của chủ đầu tư đảm bảo theo đúng quy hoạch, dự án được duyệt.

g) Quản lý, giám sát việc xây dựng nhà ở riêng lẻ do hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng đảm bảo đúng quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, thiết kế mẫu nhà, dự án đã được phê duyệt và các quy định pháp luật.

h) Định kỳ báo cáo Sở Xây dựng thông tin về dự án và tình hình giao dịch bất động sản của dự án theo quy định.

k) Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện và phối hợp trong công tác triển khai thực hiện Kế hoạch; quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng, đất đai và chất lượng công trình xây dựng.

3. Trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức rà soát, tổng hợp danh mục, đánh giá cụ thể về tình hình thực hiện các dự án phát triển nhà ở đang triển khai trên địa bàn; chỉ đề xuất thực hiện dự án nhà ở thương mại mới khi các dự án cũ đã cơ bản hoàn thành; quỹ nhà ở phát triển mới phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương và Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025; chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện về việc rà soát, đôn đốc, tổ chức triển khai thực hiện các dự án phát triển nhà ở theo các chỉ tiêu đã đăng ký theo Kế hoạch phát triển nhà ở được phê duyệt.

b) Tuyên truyền, giám sát việc đầu tư xây dựng nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân tuân thủ quy hoạch chi tiết, dự án được duyệt.

4. Trách nhiệm của chủ đầu tư các dự án phát triển nhà ở

a) Triển khai thực hiện các dự án phát triển nhà ở theo đúng nội dung và tiến độ đã được phê duyệt.

b) Chịu trách nhiệm về việc đầu tư xây dựng nhà ở và các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch và thiết kế được phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc xây dựng nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân tại các lô đất được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau khi đầu tư xong hạ tầng, các công trình hạ tầng xã hội của các chủ đầu tư thứ cấp (nếu có) theo đồ án quy hoạch

chi tiết và dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt.

c) Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác quản lý trật tự xây dựng, kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật.

d) Chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, tuân thủ pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, quy hoạch, nhà ở, kinh doanh bất động sản và các quy định pháp luật có liên quan.

đ) Định kỳ báo cáo về Sở Xây dựng thông tin về triển khai dự án và tình hình giao dịch bất động sản của dự án hàng quý theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *P.Q.*

Nơi nhận: *[Signature]*

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TNMT, KTTH;
- lưu: XDCB, VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Đào Quang Khải

**Phụ lục 1: Tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở
năm 2021 và 2022 của các địa phương**
(Kèm theo Quyết định số 2/KQ/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh)

STT	Địa phương	Dân tự xây dựng (m ² sàn)		Phát triển theo dự án (m ² sàn)	
		Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Chỉ tiêu	Đã thực hiện
1	Bắc Ninh	64.556,1	268.489,0	2.580.852,5	143.999,1
2	Từ Sơn	70.152,4	113.208,7	1.403.047,5	210.457,1
3	Tiên Du	136.288,5	103.160,0	2.725.769,3	327.092,3
4	Quế Võ	109.197,6	195.378,0	2.183.952,5	218.395,3
5	Yên Phong	144.343,1	94.621,6	2.886.862,5	461.898,0
6	Thuận Thành	82.775,9	207.200,0	1.655.517,0	198.662,0
7	Gia Bình	37.104,7	214.250,0	742.094,0	59.367,5
8	Lương Tài	41.964,6	188.556,0	839.291,7	41.964,6
	Tổng	686.382,8	1.384.863,3	15.017.386,9	1.661.835,9

**Phụ lục 2: Đánh giá việc thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021, 2022 và giai đoạn 2021-2025
Tổng hợp Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2023 và điều chỉnh Kế hoạch cho giai đoạn 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số **214/QĐ-UBND** ngày **30/5/2023** của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: m² sàn

STT	Địa phương	Kế hoạch 2021-2025 được phê duyệt	Kết quả phát triển nhà ở năm 2021 và 2022		Đề nghị điều chỉnh của các địa phương		Tổng hợp	
			Kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện	Loại bỏ khỏi Kế hoạch 2021-2025	Bổ sung vào Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch 2023-2024	Kế hoạch 2023
A	Nhà ở dân tự xây	989.511	686.383	1.384.863			1.384.863	692.432
B	Dự án của các địa phương	22.257.209	15.017.387	1.661.836	451.900	885.951	15.451.438	7.725.719
1	Thành phố Bắc Ninh	4.005.093	2.580.853	143.999			2.580.853	1.290.426
2	Thành phố Từ Sơn	2.069.435	1.403.048	210.457	451.900	10.000	961.148	480.574
3	Huyện Tiên Du	4.064.519	2.725.769	327.092		154.201	2.879.970	1.439.985
4	Huyện Quế Võ	3.043.153	2.183.953	218.395		228.188	2.412.140	1.206.070
5	Huyện Yên Phong	4.072.688	2.886.863	461.898		18.750	2.905.613	1.452.806
6	Huyện Thuận Thành	2.445.267	1.655.517	198.662		91.250	1.746.767	873.384
7	Huyện Gia Bình	1.111.980	742.094	59.368		150.438	892.531	446.266
8	Huyện Lương Tài	1.445.075	839.292	41.965		233.125	1.072.417	536.208
C	Các khu đô thị, khu nhà ở dự kiến lựa chọn nhà đầu tư	2.094.586	698.195				698.195	349.098
	Tổng	25.341.305	16.401.965	3.046.699	451.900	885.951	17.534.496	8.767.248

Phụ lục 03: Danh mục các dự án phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh so với Quyết định số 548/QĐ-UBND
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Pháp lý của dự án		Lý do bổ sung/đưa ra khỏi Kế hoạch	Tổng quỹ đất đăng ký (ha)	Quy mô sàn nhà ở (nghìn m ² sàn)	
			Chủ trương thực hiện dự án	Phê duyệt quy hoạch			Giai đoạn 2021-2025	Năm 2023
	TỔNG					69,20	389,08	389,08
A	Nhà ở do dân tự xây dựng						18,53	18,53
B	Các dự án của các địa phương					69,20	370,55	370,55
I	Thành phố Bắc Ninh							
II	Thành phố Từ Sơn					-170,76	-441,90	-441,90
<i>a</i>	<i>Bổ sung vào Kế hoạch 2023</i>	3				1,60	10,00	10,00
1	Dự án Khu dân cư dịch vụ tại phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (cắt từ dự án cụm công nghiệp làng nghề ITD)	2360/UBND-NN.TN ngày 08/12/2010, 1196/UBND-TNMT ngày 04/6/2014	481/QĐ-UBND ngày 16/7/2015	Dự án đã đầu tư xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật, tuy nhiên chưa được giao đất đến cho nhân dân	0,90	5,63	5,63
2	Dự án Khu nhà ở đấu giá quyền sử dụng đất tại khu phố Tân Lập, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Khu phố Tân Lập, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn	844/UBND-XDCB ngày 19/7/2007, 2846/UBND-XDCB ngày 22/12/2011	626/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	Dự án đã đầu tư xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật, đã tổ chức đấu giá được 01 lô, đến nay còn 12 lô chưa đấu giá	0,56	3,50	3,50
3	Dự án Khu nhà ở đấu giá quyền sử dụng đất tại khu phố Đồng Phúc và khu phố Đa Hội, phường Châu Khê,	Khu phố Đa Hội và khu phố Đồng Phúc, phường Châu Khê,	2223/UBND-XDCB ngày 22/6/2018	997/QĐ-UBND ngày 06/11/2018	Dự án sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật với dân cư hiện hữu	0,14	0,88	0,88

STT	Tên dự án	Địa điểm	Pháp lý của dự án		Lý do bổ sung/đưa ra khỏi Kế hoạch	Tổng quỹ đất đăng ký (ha)	Quy mô sàn nhà ở (nghìn m ² sàn)	
			Chủ trương thực hiện dự án	Phê duyệt quy hoạch			Giai đoạn 2021-2025	Năm 2023
	thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	thành phố Từ Sơn						
<i>b</i>	<i>Đưa ra khỏi Kế hoạch 2023</i>	<i>11</i>				172,36	451,90	451,90
1	Dự án Khu nhà ở tại phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn	Đường Lý Thường Kiệt, khu phố Trịnh Xá, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn	Văn bản giới thiệu địa điểm số 295/UBND-KTTH ngày 24/02/2011	Chưa lập Quy	Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh quy hoạch chức năng sử dụng đất để xây dựng khu công trình công cộng cấp đô thị - khu đất trước đây đã giới thiệu địa điểm cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Phú Điền	4,60	28,75	28,75
2	Dự án Khu nhà ở tại phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn	Khu phố Trịnh Xá, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (giáp cụm công nghiệp Mã Ông)	Văn bản giới thiệu địa điểm tại văn bản số 1185/UBND-XDCB ngày 06/7/2010		Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh quy hoạch chức năng sử dụng đất để xây dựng khu công trình công cộng cấp đô thị - khu đất trước đây đã giới thiệu địa điểm cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Phú Điền	14,00	35,00	35,00
3	Dự án khu đất xen kẹp đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Khu phố Long Vỹ, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn (giáp dự án dân cư dịch vụ)	Chưa có chủ trương giới thiệu địa điểm	Chưa lập Quy	Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 quy hoạch đất nông nghiệp	1,00	6,25	6,25

STT	Tên dự án	Địa điểm	Pháp lý của dự án		Lý do bổ sung/đưa ra khỏi Kế hoạch	Tổng quỹ đất đăng ký (ha)	Quy mô sàn nhà ở (nghìn m ² sàn)	
			Chủ trương thực hiện dự án	Phê duyệt quy hoạch			Giai đoạn 2021-2025	Năm 2023
4	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (dự kiến chuyển đổi từ dự án cụm công nghiệp và dịch vụ thương mại làng nghề thép của Công ty TNHH Anh Sơn)	Khu phố Song Tháp, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn	Chưa có chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất	Chưa lập Quy	Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 định hướng quy hoạch đất an ninh – quốc phòng	7,50	18,75	18,75
5	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn (dự kiến chuyển đổi từ dự án Cụm công nghiệp của Công ty APEC)	Khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn	Chưa có chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất	Chưa lập Quy	Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 định hướng quy hoạch đất công viên cây xanh cảnh quan, công viên cây xanh chuyên đề	22,00	55,00	55,00
6	Dự án Khu nhà ở đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Trang Hạ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Khu phố Mới, phường Trang Hạ, thành phố Từ Sơn (giáp dự án Cụm công nghiệp ITD)	Chưa được giới thiệu địa điểm	Chưa lập Quy	Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 quy hoạch đất nông nghiệp	9,60	24,00	24,00
7	Dự án Khu nhà ở đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Khu phố Thọ Trai, phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn	Chưa được giới thiệu địa điểm	Chưa lập Quy	Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 định hướng quy hoạch đất công viên cây xanh cảnh quan, công viên cây xanh chuyên đề	7,46	18,65	18,65
8	Dự án Khu nhà ở đầu giá quyền sử	Khu phố Thọ Trai,	Chưa được	Chưa lập Quy	Đề án điều chỉnh Quy	7,20	18,00	18,00

STT	Tên dự án	Địa điểm	Pháp lý của dự án		Lý do bổ sung/đưa ra khỏi Kế hoạch	Tổng quỹ đất đăng ký (ha)	Quy mô sàn nhà ở (nghìn m ² sàn)	
			Chủ trương thực hiện dự án	Phê duyệt quy hoạch			Giai đoạn 2021-2025	Năm 2023
	dụng đất tại phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn	giới thiệu địa điểm		hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 định hướng quy hoạch đất công viên cây xanh cảnh quan, công viên cây xanh chuyên đề			
9	Dự án Khu nhà ở tại phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Khu phố Trịnh Xá, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn (giáp Cụm công nghiệp Mã Ông)	Số 1185/UBND-XDCB ngày 06/7/2010		Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 định hướng quy hoạch đất xây dựng công trình công cộng	14,00	35,00	35,00
10	Dự án Khu đô thị, dịch vụ tại phường Hương Mạc, thành phố Từ Sơn (dự kiến chuyển đổi từ Khu thương mại, dịch vụ làng nghề của Công ty Cao Nguyên)	Khu phố Vĩnh Thọ, phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn (giáp ĐT277B)	Chưa được giới thiệu địa điểm	Chưa lập Quy	Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 định hướng quy hoạch đất xây dựng công trình công cộng và bến xe khách đô thị	35,00	87,50	87,50
11	Dự án đầu tư xây dựng Khu công trình công cộng và nhà ở đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Hương Mạc, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Khu trung tâm phường)	Phường Hương Mạc, thành phố Từ Sơn (giáp ĐT277 mới)	Số 1855/UBND-XDCB ngày 19/7/2016	Chưa lập Quy	Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 quy hoạch đất nông nghiệp	50,00	125,00	125,00
III	Huyện Tiên Du					34,56	154,20	154,20
a	Bổ sung vào Kế hoạch 2023	11				34,56	154,20	154,20
1	HTKT khu đất ở đấu giá QSDĐ thị	Thị trấn Lim		335/QĐ-	Dự án có tính khả thi	0,24	1,49	1,49

STT	Tên dự án	Địa điểm	Pháp lý của dự án		Lý do bổ sung/đưa ra khỏi Kế hoạch	Tổng quỹ đất đăng ký (ha)	Quy mô sàn nhà ở (nghìn m ² sàn)	
			Chủ trương thực hiện dự án	Phê duyệt quy hoạch			Giai đoạn 2021-2025	Năm 2023
	trần Lim			UBND ngày 27/3/2017; 1499/QĐ-UBND ngày 03/8/2018; 2525/QĐ-UBND ngày 30/10/2018				
2	Khu nhà ở dân cư dịch vụ thôn Lũng Sơn, thị trấn Lim, huyện Tiên Du	Thị trấn Lim		1161/QĐ-UBND ngày 03/8/2016	Bổ sung. Dự án đã được điều chỉnh mục đích sử dụng đất thành khu nhà ở đầu giá QSDĐ tại Văn bản số 323/QĐ-UBND ngày 20/6/2019	3,05	19,03	19,03
3	Các khu đất xen kẹp trên địa bàn thị trấn Lim	Thị trấn Lim	Chưa được phê duyệt		Dự án có tính khả thi	2,50	15,63	15,63
4	Khu nhà ở đầu giá QSDĐ tạo vốn tại thôn Dương Húc, xã Đại Đồng	Xã Đại Đồng	Văn bản giới thiệu địa điểm số 3922/UBND-XDXB ngày 07/11/2017. Chưa được phê duyệt quy hoạch chi tiết		Dự án có tính khả thi	6,00	15,00	15,00
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Hiên Vân, huyện Tiên Du	xã Hiên Vân		Quyết định thu hồi và giao đất số 914/QĐ-	Bổ sung	1,47	9,20	9,20

STT	Tên dự án	Địa điểm	Pháp lý của dự án		Lý do bổ sung/đưa ra khỏi Kế hoạch	Tổng quỹ đất đăng ký (ha)	Quy mô sàn nhà ở (nghìn m ² sàn)	
			Chủ trương thực hiện dự án	Phê duyệt quy hoạch			Giai đoạn 2021-2025	Năm 2023
				UBND ngày 11/7/2007				
6	Khu dân cư xã Hiên Vân, huyện Tiên Du	xã Hiên Vân		Quyết định thu hồi và giao đất số 436/QĐ-UBND ngày 11/6/2003	Bổ sung	0,83	5,21	5,21
7	Khu nhà ở tái định cư đường Đại Đồng - Cống Bự và TL287, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du	Xã Hoàn Sơn		1781/QĐ-UBND ngày 21/7/2015	Tái định cư đường Đại Đồng - Cống Bự và TL287	3,68	23,03	23,03
8	Dự án tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng đường ĐT1 kéo dài (đoạn từ TL 276 đến đường Nội Duệ - Tri Phương), huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (giai đoạn 1) và các dự án trên địa bàn xã Liên Bảo	Xã Liên Bảo		Chưa được phê duyệt	Tái định cư đường DDT kéo dài và các dự án trên địa bàn xã Liên Bảo	3,50	21,88	21,88
9	Khu nhà ở dân cư dịch vụ để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã Liên Bảo, huyện Tiên Du	Xã Liên Bảo		2870/QĐ-UBND ngày 24/11/2016	Bổ sung	2,66	16,65	16,65
10	Cải tạo, chỉnh trang cảnh quan, mở rộng ao hồ mặt nước và hạ tầng kỹ thuật quỹ đất xây dựng công trình công cộng, đất ở để đầu tư giá QSDĐ	thôn Duệ Khánh		Chưa được phê duyệt QHCT	Dự án có tính khả thi	0,14	0,88	0,88
11	Điểm dân cư nông thôn, đất đầu tư giá QSDĐ tạo vốn xây dựng nông thôn mới và đất ở tái định cư mở rộng Đường tỉnh 276 xã Phú Lâm, huyện	thôn Tam Tào		739/QĐ-UBND ngày 22/6/2012; 951/QĐ-UBND	Bổ sung	10,49	26,21	26,21

STT	Tên dự án	Địa điểm	Pháp lý của dự án		Lý do bổ sung/đưa ra khỏi Kế hoạch	Tổng quỹ đất đăng ký (ha)	Quy mô sàn nhà ở (nghìn m ² sàn)	
			Chủ trương thực hiện dự án	Phê duyệt quy hoạch			Giai đoạn 2021-2025	Năm 2023
	Tiên Du			ngày 15/9/2014				
<i>b</i>	<i>Đưa ra khỏi Kế hoạch 2023</i>					0,00	0,00	0,00
IV	Huyện Quế Võ					84,93	228,19	228,19
<i>a</i>	<i>Bổ sung vào Kế hoạch 2023</i>	<i>9</i>				84,93	228,19	228,19
1	Dự án ĐTXD khu tái định cư đường Vành đai 4 tại xã Chi Lăng và xã Yên Giả, huyện Quế Võ	Xã Chi Lăng, xã Yên Giả/ UBND xã	1790/UBND-KTHT ngày 26/10/2022		Cần có đất tái định cư cho dự án trọng điểm Vành đai 4	12,90	32,25	32,25
2	Khu nhà ở tại thôn Yên Lâm xã Bằng An, huyện Quế Võ	Xã Bằng An/ UBND xã	35/UBND-KTHT ngày 07/01/2022		Nhu cầu nhà ở nâng cao	2,50	15,63	15,63
3	Khu nhà ở tại thôn Hà Liễu, xã Phương Liễu	Xã Phương Liễu/UBND xã	323/UBND-KTHT ngày 28/02/2022		Nhu cầu nhà ở nâng cao	1,73	10,81	10,81
4	Khu nhà ở để đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư tại thôn Nghiêm Xá, xã Việt Hùng	UBND xã Việt Hùng	150/UBND-KTHT ngày 26/01/2022		Nhu cầu nhà ở nâng cao	6,90	17,25	17,25
5	Khu nhà ở tại Phố Mới - Việt Hùng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	UBND thị trấn Phố Mới	326/UBND-KTHT ngày 28/02/2022		Nhu cầu nhà ở nâng cao	9,80	24,50	24,50
6	Khu nhà ở tại thôn Trại Đường, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	UBND xã Nhân Hòa	318/UBND-KTHT ngày 25/02/2022		Nhu cầu nhà ở nâng cao	7,70	19,25	19,25
7	Khu nhà ở tại thôn Từ Phong xã Cách Bi	UBND xã Cách Bi	103/UBND-KTHT ngày 19/01/2022		Nhu cầu nhà ở nâng cao	5,10	12,75	12,75
8	Khu nhà ở để đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư tại thôn Chùa, thôn Sau xã	UBND xã Bằng An	598/UBND-KTHT ngày		Nhu cầu nhà ở nâng cao	9,80	24,50	24,50

STT	Tên dự án	Địa điểm	Pháp lý của dự án		Lý do bổ sung/đưa ra khỏi Kế hoạch	Tổng quỹ đất đăng ký (ha)	Quy mô sàn nhà ở (nghìn m ² sàn)	
			Chủ trương thực hiện dự án	Phê duyệt quy hoạch			Giai đoạn 2021-2025	Năm 2023
	Bằng An, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh		07/4/2022					
9	Khu nhà ở để đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư tại thôn Lầy, xã Đào Viên, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Xã Đào Viên/ UBND xã	730/UBND-KTHT ngày 29/4/2022		Nhu cầu nhà ở nâng cao	6,00	15,00	15,00
<i>b</i>	<i>Đưa ra khỏi Kế hoạch 2023</i>					0,00	0,00	0,00
V	Huyện Yên Phong					7,50	18,75	18,75
<i>a</i>	<i>Bổ sung vào Kế hoạch 2023</i>	<i>1</i>				7,50	18,75	18,75
1	Khu nhà ở đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và Khu cây xanh, bãi đỗ xe tĩnh tại thôn Phong Nấm và thôn Đông Xá, xã Đông Phong, huyện Yên Phong	UBND xã Đông Phong	Tờ trình số 196/UBND-KTHT ngày 29/01/2021			7,50	18,75	18,75
2	<i>Đưa ra khỏi Kế hoạch 2023</i>					0,00	0,00	0,00
VI	Huyện Thuận Thành					31,10	91,25	91,25
<i>a</i>	<i>Bổ sung vào Kế hoạch 2023</i>	<i>5</i>				31,10	91,25	91,25
1	Khu nhà ở để đấu giá QSDĐ tại xã Xuân Lâm	Xã Xuân Lâm			chuyển mục đích sử dụng từ công ty CPĐT Khí đặc biệt	11,10	27,75	27,75
2	Dự án khu nhà ở tái định cư phục vụ Đường Vành đai 4 (đoạn qua xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành)	Xã Nghĩa Đạo				7,00	17,50	17,50
3	Dự án khu nhà ở tái định cư phục vụ Đường Vành đai 4 (đoạn qua xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành)	Xã Nguyệt Đức				2,00	12,50	12,50
4	Dự án khu nhà ở tái định cư phục vụ Đường Vành đai 4 (đoạn qua xã Mão	Xã Mão Điền				9,40	23,50	23,50

STT	Tên dự án	Địa điểm	Pháp lý của dự án		Lý do bổ sung/đưa ra khỏi Kế hoạch	Tổng quỹ đất đăng ký (ha)	Quy mô sàn nhà ở (nghìn m ² sàn)	
			Chủ trương thực hiện dự án	Phê duyệt quy hoạch			Giai đoạn 2021-2025	Năm 2023
	Điền, huyện Thuận Thành)							
5	Dự án khu nhà ở tái định cư phục vụ Đường Vành đai 4 (đoạn qua xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành)	Xã Ninh Xá				1,60	10,00	10,00
<i>b</i>	<i>Đưa ra khỏi Kế hoạch 2023</i>					<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
VII	Huyện Gia Bình					28,87	150,44	150,44
<i>a</i>	<i>Bổ sung vào Kế hoạch 2023</i>	7				<i>28,87</i>	<i>150,44</i>	<i>150,44</i>
1	Khu nhà ở tại thôn Lê Lợi, xã Nhân Thắng	Xã Nhân Thắng/UBND xã Nhân Thắng			Đáp ứng về nhu cầu nhà ở trên địa bàn xã Nhân Thắng (do trong năm 2023 xã Nhân Thắng sẽ trở thành thị trấn và Khu công nghiệp Gia Bình 2 sẽ đi vào hoạt động)	4,50	28,13	28,13
2	Khu nhà ở tại thôn Ngô Cương, xã Nhân Thắng	Xã Nhân Thắng/UBND xã Nhân Thắng			Đáp ứng về nhu cầu nhà ở trên địa bàn xã Nhân Thắng (do trong năm 2023 xã Nhân Thắng sẽ trở thành thị trấn và Khu công nghiệp Gia Bình 2 sẽ đi vào hoạt động)	3,60	22,50	22,50
3	Khu nhà ở tại thôn Nhân Hữu, xã Nhân Thắng	Xã Nhân Thắng/UBND xã Nhân Thắng			Đáp ứng về nhu cầu nhà ở trên địa bàn xã Nhân Thắng (do trong năm 2023 xã Nhân Thắng sẽ trở thành thị	3,00	18,75	18,75

STT	Tên dự án	Địa điểm	Pháp lý của dự án		Lý do bổ sung/đưa ra khỏi Kế hoạch	Tổng quỹ đất đăng ký (ha)	Quy mô sàn nhà ở (nghìn m ² sàn)	
			Chủ trương thực hiện dự án	Phê duyệt quy hoạch			Giai đoạn 2021-2025	Năm 2023
					trần và Khu công nghiệp Gia Bình 2 sẽ đi vào hoạt động)			
4	Khu nhà ở tại thôn Phương Độ xã Bình Dương, huyện Gia Bình	Xã Bình Dương/UBND xã Bình Dương			Khu công nghiệp Gia Bình 2 sẽ đi vào hoạt động, do đó nhu cầu về nhà ở tăng cao	2,30	14,38	14,38
5	Khu nhà ở tại thôn Bùng xã Bình Dương, huyện Gia Bình	Xã Bình Dương/UBND xã Bình Dương			Khu công nghiệp Gia Bình 2 sẽ đi vào hoạt động, do đó nhu cầu về nhà ở tăng cao	8,00	20,00	20,00
6	Khu nhà ở tại thôn Tiêu xá, xã Giang Sơn	Xã Giang Sơn/UBND xã Giang Sơn			Khu công nghiệp Gia Bình sẽ đi vào hoạt động, do đó nhu cầu về nhà ở tăng cao	4,37	27,31	27,31
7	Khu nhà ở tại xã Đại Lai	Xã Đại Lai/UBND xã Đại Lai			Khu công nghiệp Gia Bình 2, Cụm công nghiệp làng nghề Xuân Lai sẽ đi vào hoạt động, do đó nhu cầu về nhà ở tăng cao	3,10	19,38	19,38
b	Đưa ra khỏi Kế hoạch 2023					0,00	0,00	0,00
VIII	Huyện Lương Tài					73,00	233,13	233,13
a	Bổ sung vào Kế hoạch 2023	12				73,00	233,13	233,13
1	Khu nhà ở phía Bắc đường nội thị đi Trường Hàn Thuyên mới, thị trấn Thứa	Thị trấn Thứa, huyện Lương Tài				6,00	15,00	15,00
2	Khu nhà ở phía Nam đường nội thị đi	Thị trấn Thứa, huyện				10,00	25,00	25,00

STT	Tên dự án	Địa điểm	Pháp lý của dự án		Lý do bổ sung/đưa ra khỏi Kế hoạch	Tổng quỹ đất đăng ký (ha)	Quy mô sản nhà ở (nghìn m ² sàn)	
			Chủ trương thực hiện dự án	Phê duyệt quy hoạch			Giai đoạn 2021-2025	Năm 2023
	Trường Hàn Thuyên mới, thị trấn Thửa (khu số 1)	Lương Tài						
3	Khu nhà ở phía Nam đường nội thị đi Trường Hàn Thuyên mới, thị trấn Thửa (khu số 2)	Thị trấn Thửa, huyện Lương Tài				6,00	15,00	15,00
4	Khu nhà ở thôn Bùi, thị trấn Thửa (khu số 1)	Thị trấn Thửa, huyện Lương Tài				7,50	18,75	18,75
5	Khu nhà ở thôn Bùi, thị trấn Thửa (khu số 2)	Thị trấn Thửa, huyện Lương Tài				6,00	15,00	15,00
6	Khu nhà ở thôn Giàng, thị trấn Thửa	Thị trấn Thửa, huyện Lương Tài				3,00	18,75	18,75
7	Khu nhà ở phía Bắc đường 285B xã Bình Định (khu số 1)	Xã Bình Định, huyện Lương Tài				9,50	23,75	23,75
8	Khu nhà ở phía Bắc đường 285B xã Bình Định (khu số 2)	Xã Bình Định, huyện Lương Tài				6,00	15,00	15,00
9	Khu nhà ở làng Thăng Long, xã Bình Định (giai đoạn 2)	Xã Bình Định, huyện Lương Tài				2,00	12,50	12,50
10	Khu nhà ở thôn Ngọc Trì, Quảng Cầu, xã Bình Định	Xã Bình Định, huyện Lương Tài				4,50	28,13	28,13
11	Khu nhà ở phía Nam đường ĐT.280 xã Bình Định	Xã Bình Định, huyện Lương Tài				8,50	21,25	21,25
12	Khu nhà ở phía Bắc đường ĐT.280 xã Bình Định	Xã Bình Định, huyện Lương Tài				4,00	25,00	25,00
<i>b</i>	<i>Đưa ra khỏi Kế hoạch 2023</i>					<i>0,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
C	Các khu đô thị, khu nhà ở dự kiến lựa chọn nhà đầu tư					0,00	0,00	0,00

Phụ lục 04: Tổng hợp nhu cầu vốn để phát triển nhà ở năm 2023
(Kèm theo Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh)

STT	Loại vốn	Nhu cầu vốn (tỷ đồng)
1	Vốn ngân sách nhà nước	61,67
1.1	Ngân sách trung ương	18,98
a	Hỗ trợ người có công	18,98
b	Hỗ trợ hộ nghèo	-
1.2	Ngân sách địa phương	42,70
a	Hỗ trợ người có công	42,70
b	Hỗ trợ hộ nghèo	-
2	Vốn từ quỹ "Vĩ người nghèo" (hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà tình thương, nhà ở cho hộ nghèo)	1,14
3	Vốn tổ chức, cá nhân	77.468,59
3.1	Xây dựng nhà ở thấp tầng	53.520,80
3.2	Xây dựng nhà ở cao tầng	2.576,87
3.3	Nhà ở do dân tự xây	2.901,25
3.4	Xây dựng nhà ở xã hội	5.951,32
3.5	Xây dựng HTKT, HTXH các KĐT	12.518,36